| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 124/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2024
V/v "Ly hôn giữa chị L với anh N"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Phi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hoàng Mích.

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Đặng Huỳnh Khánh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 215/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2024/QĐST–HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 79, ấp Tân Hưng, xã CH, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Chị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 14/6/2024.

* *Bị đơn:* **Lư Trọng N,** sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Hưng, xã CH, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/4/2024, bản tự khai ngày 05/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L với anh Lư Trọng N tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH vào năm 2021. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng đến

tháng 08 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, anh N thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho gia đình và đã ly thân từ tháng 08 năm 2021 cho đến nay. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Lư Trọng N.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lư Nguyễn Thuận T, sinh ngày 03/9/1999; Lư Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/10/2006. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu H và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu T đã trưởng T, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Lư Trọng N trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, nên không thu thập được lời khai.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L thực hiện quyền và N vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Lư Trọng N không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Lư Trọng N.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Lư Nguyễn Thuận T, sinh ngày 03/9/1999; Lư Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/10/2006. Giao cháu Lư Nguyễn Trung H cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Riêng cháu Lư Nguyễn Thuận T đã T niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, anh N cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Lư Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị L với anh N cưới nhau vào năm 2021, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH nên quan hệ hôn nhân giữa chị L với anh N được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như lời khai của chị L trong quá trình giải quyết vụ án xác định cuộc sống vợ, chồng giữa chị L với anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cải nhau, anh N thường hay nhậu nhẹt, không lo cho gia đình, chị L và anh N đã ly thân từ tháng 08 năm 2021 cho đến nay. Toà án đã triệu tập chị L và anh N để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N vắng mặt không lý do, đồng thời chị L cũng có yêu cầu xét xử vắng mặt cho thấy hai bên đã không còn quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị L với anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

- Có 02 con chung tên là Lư Nguyễn Thuận T, sinh ngày 03/9/1999; Lư Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/10/2006. Xét thấy, cháu Lư Nguyễn Thuận T, sinh ngày 03/9/1999 đã T niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Lư Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/10/2006, xét thấy từ khi ly thân cho đến nay cháu Lư Nguyễn Trung H sống với chị L, đồng thời cháu H có nguyện vọng sống chung với chị L nên để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, cần giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, anh N cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Lư Trọng N.

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L đối với anh Lư Trọng N.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L đối với anh Lư Trọng N chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2.** Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lư Nguyễn Trung H, sinh ngày 17/10/2006 (Phù hợp với nguyện vọng của cháu H trên 07 tuổi). Riêng cháu Lư Nguyễn Thuận T, sinh ngày 03/9/1999 đã T niên, chị L không yêu cầu giải quyết, anh N cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Lư Trọng N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lư Trọng N không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi con cùng các T viên gia đình không được cản trở anh Lư Trọng N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005653 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự chị Nguyễn Thị L, anh Lư Trọng N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã CH
(Số 03 ngày 21/01/2021);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Đăng Phi**